

## UNIT 8: WHAT CAN WE SEE IN A PARK?

### Lesson 21: Project

#### I. Nội dung buổi học:

- Học sinh củng cố kiến thức thông qua một dự án sáng tạo.
- Học sinh ôn lại kỹ năng đứng thẳng khi thuyết trình.
- Học sinh suy ngẫm về những gì trẻ đã học được.

#### II. Key vocabulary:



**Tree**  
(Cây)



**Flower**  
(Hoa)



**Grass**  
(Cỏ)

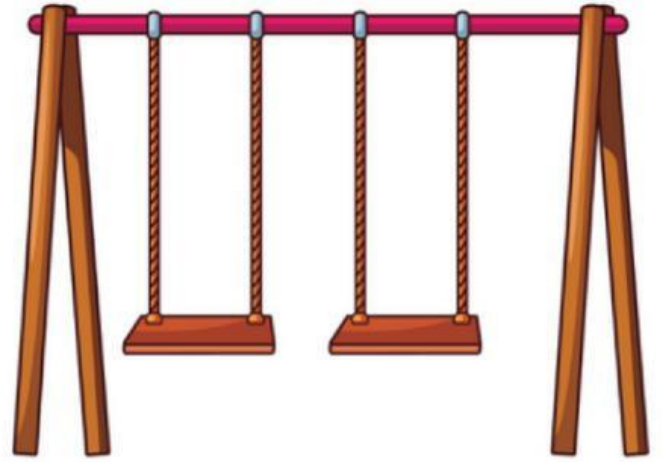


**Bee**  
(Con ong)

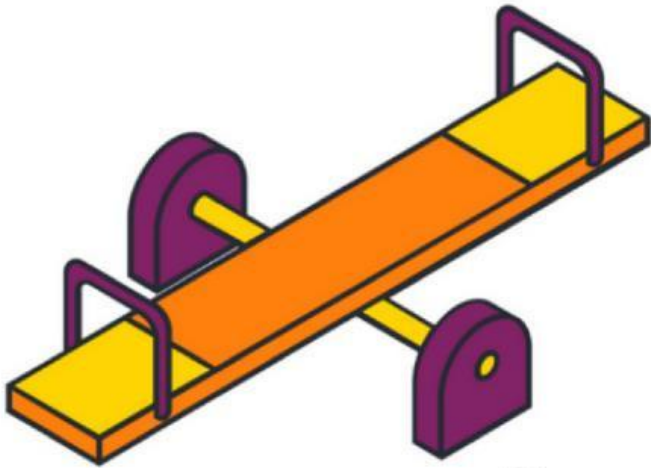




**Slide**  
(Cầu trượt)



**Swing**  
(Xích đu)



**Seesaw**  
(Bập bênh)



**Monkey bars**  
(Xà đơn)

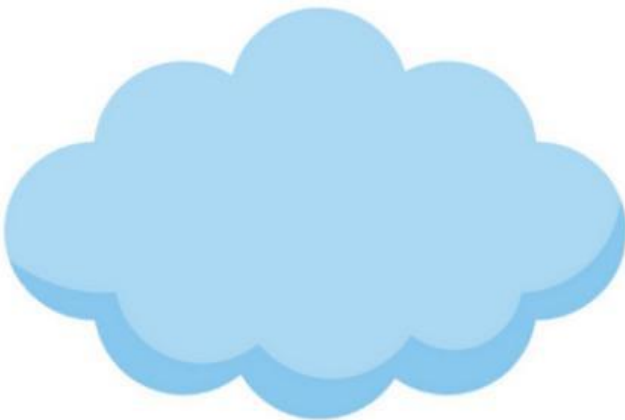




**Sun**  
(Mặt Trời)



**Sky**  
(Bầu trời)

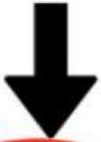


**Cloud**  
(Mây)



**Butterfly**  
(Con bướm)

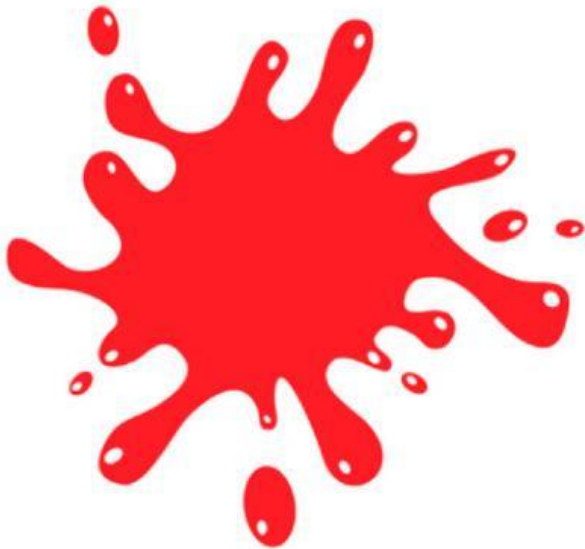




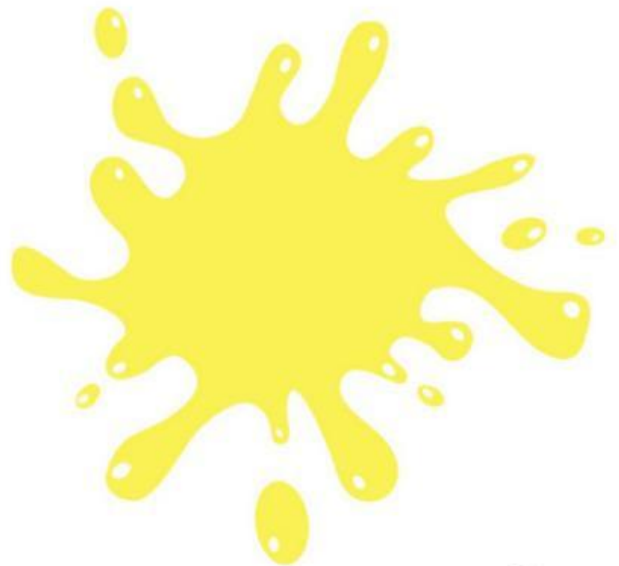
**Big**  
(Lớn)



**Small**  
(Nhỏ)

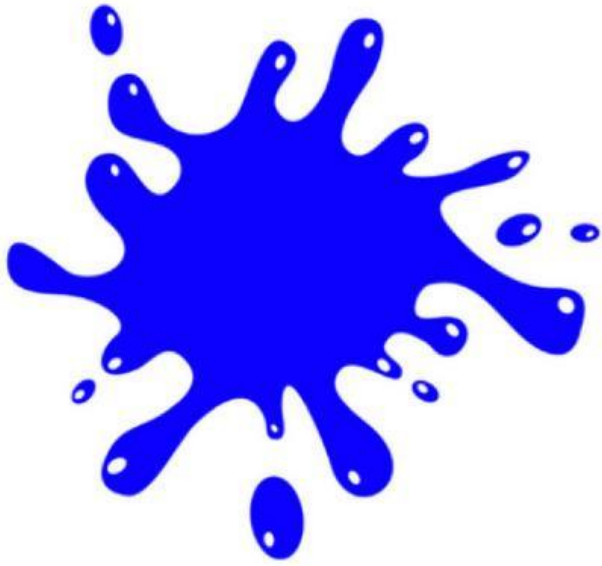


**Red**  
(Màu đỏ)



**Yellow**  
(Màu vàng)





**Blue**  
(Màu xanh  
dương)



**Green**  
(Màu xanh  
lá)



### III. Key language:



What can you see at the park? I can see a (seesaw).



### III. Key language:



**Do you like to play on the swings?**

**Yes, I do. No, I don't.**

